TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/**2018/KDTM-PT
Ngày: 02-02-2018
V/v tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ánh Nguyệt**

Các Thẩm phán: Ông **Đỗ Văn Thinh**

Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Bảo Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông **Bùi Văn Bạo** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2017/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng công trình.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 09/2017/KDTM-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2017/QĐPT-KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty cổ phần D**;

Địa chỉ trụ sở: Số 04, đường Số 6, khu Trung tâm đô thị C, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông **Lê Đình T** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật.

Ông **Nguyễn Anh H**, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 86 đường N, phường R,

thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 24-01-2018) (Có mặt).

- *Bị đơn:* **Công ty cổ phần xi măng F**;

Địa chỉ trụ sở: Số 433 Đại lộ 30/4, Phường M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

Ông **Hoàng Cảnh N** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật.

Ông **Nguyễn Việt T**, sinh năm 1970, địa chỉ: 86M/4 đường H, Khu phố M, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 23-6-2016) (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Công ty cổ phần T**;

Địa chỉ trụ sở: 150 đường P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ mới: Số 148 đường T, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần T: Bà **Nguyễn Hoàng K** – Chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty cổ phần D.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty cổ phần D trình bày:

Ngày 30-7-2008, Công ty cổ phần Xi măng F ký hợp đồng số 175/2008/HĐTC-TAFICO giao cho Công ty cổ phần T thi công xây dựng 15 nhà Block 2 căn, theo công nghệ 3D thuộc công trình khu nhà ở cho cán bộ công nhân viên và chuyên gia 12 ha – Dự án Nhà máy xi măng T tại xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, với giá trị hợp đồng là 7.784.836.660 đồng. Thời gian hoàn thành công trình là 75 ngày bao gồm cả thứ bảy, chủ nhật. Nhưng từ ngày 30-7-2008 đến ngày 13-3-2009, Công ty cổ phần T chỉ mới thi công phần móng giá trị 345.396.800 đồng, công trình chậm theo quy định của hợp đồng. Vì vậy, ngày 13-3-2009 tại số 9-19 H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần Xi măng F cùng với Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần D ký phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ giao cho Công ty cổ phần D tiếp tục thi công Công trình 15 nhà Block 2 căn.

Phụ lục Hợp đồng số 01 thay đổi điều khoản về tài khoản giao dịch; trách nhiệm thực hiện Hợp đồng chuyển từ Công ty cổ phần T sang cho Công ty cổ phần D; gia hạn thời gian thi công, thưởng phạt. Công ty cổ phần Xi măng F cam kết thanh toán các đợt nghiệm thu, quyết toán, thanh lý hợp đồng trực tiếp cho Công ty cổ phần D. Sau đó, Công ty cổ phần Xi măng F tiếp tục ký các phụ lục hợp đồng số 02, 03, 04, 05, 06 bổ sung điều khoản gia hạn thanh quyết toán hợp đồng cho Công ty cổ phần D.

Công trình xây dựng đã hoàn thành và bàn giao cho Công ty cổ phần Xi măng F và Công ty cổ phần D tiến hành lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ. Xác định khối lượng xây lắp hoàn thành công trình là 7.594.890.870 đồng; Công ty cổ phần D đã xuất hóa đơn VAT cho Công ty cổ phần Xi măng F 7.594.890.870 đồng. Hai bên cũng xác nhận tổng số tiền Công ty cổ phần Xi măng F đã thanh toán cho Công ty cổ phần D là 3.124.803.157 đồng.

Sau đó, Công ty cổ phần Xi măng F tiếp tục thanh toán cho Công ty cổ phần D ngày 17-01-2011 số tiền 400.000.000 đồng, ngày 26-01-2011 thanh toán 500.000.000 đồng, ngày 01-7-2011 là 400.000.000 đồng, ngày 10-6-2013 là 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 4.524.803.157 đồng, còn lại 3.014.340.183 đồng không thanh toán.

Căn cứ vào giấy mời họp giải quyết công nợ số 1158/CV – TAFICO ngày 19-8-2013 của Công ty cổ phần Xi măng F, ngày 22-8-2013 hai Công ty đã họp và Công ty cổ phần Xi măng F chỉ thừa nhận trả cho Công ty cổ phần D 289.646.652 đồng nên cuộc họp không đạt kết quả.

Tại đơn khởi kiện ngày 21-01-2015 Công ty cổ phần D yêu cầu Công ty cổ phần Xi măng F phải thanh toán số tiền là 2.668.943.383 đồng (đã đối trừ thi công phần móng 345.396.800 đồng) và thanh toán tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 0,83% tạm tính là 1.067.577.353 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần D yêu cầu Công ty cổ phần Xi măng F thanh toán cho Công ty cổ phần D số tiền là 1.333.651.728 đồng (số tiền này đã đối trừ phần gia cố móng và giá trị tấm 3D mà Công ty cổ phần T đã thực hiện là 1.680.688.455 đồng), đồng thời thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 01-11-2011 cho đến ngày xét xử là 50 tháng 09 ngày x lãi suất 1,25%/ tháng.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Xi măng F ông Nguyễn Việt T trình bày:

Ông T thừa nhận ngày 30-7-2008, Công ty cổ phần Xi măng F và Công ty cổ phần T có ký hợp đồng số 175/2008/HĐTC-TAFICO về việc xây dựng 15 nhà Block 2 căn, theo công nghệ 3D thuộc công trình khu nhà ở cho cán bộ công

nhân viên và chuyên gia 12 ha – Dự án Nhà máy xi măng T, với giá trị hợp đồng là 7.784.836.660 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần T có đề nghị Công ty cổ phần Xi măng F ký hợp đồng 03 bên giao cho Công ty cổ phần D làm nhà thầu phụ thi công để đảm bảo thời gian thi công. Nên ngày 13-3-2009, các bên có ký các Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ. Nội dung chủ yếu gồm:

"*Điều 1*: Công ty cổ phần T giao cho Công ty cổ phần D làm thầu phụ. *Điều 2*: Thay đổi tài khoản thanh toán sang tài khoản của Công ty cổ phần D, giữ nguyên quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần T. *Điều 3*: Phê duyệt nhà thầu phụ".

Phụ lục Hợp đồng này không quy định bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào của Công ty cổ phần D và Công ty cổ phần Xi măng F, và không thể là hợp đồng giữa Công ty cổ phần Xi măng F và Công ty cổ phần D. Việc các bên thỏa thuận chuyển tiền vào tài khoản của Công ty cổ phần D không thể làm phát sinh quan hệ hợp đồng giữa Công ty cổ phần Xi măng F và Công ty cổ phần D, có các hóa đơn chứng từ chuyển tiền kèm theo.

Giữa Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần D có quan hệ hợp đồng theo hình thức Nhà thầu chính và Nhà thầu phụ, nếu có tranh chấp khi thực hiện hợp đồng thì hai Công ty phải căn cứ vào Hợp đồng phụ đã ký với nhau để giải quyết.Việc Công ty cổ phần D khởi kiện Công ty cổ phần Xi măng F về tranh chấp hợp đồng xây dựng số 175 là không có căn cứ. Công ty cổ phần Xi măng F không đồng ý vì Công ty cổ phần D không có thẩm quyền tranh chấp Hợp đồng số 175.

Nay Công ty cổ phần Xi măng F không đồng ý thanh toán cho Công ty cổ phần D khoản tiền nào.

Công ty cổ phần T, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết hợp lệ nhiều lần nhưng Công ty cổ phần T không đến và không có văn bản thể hiện ý kiến.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2017/KDTM-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ Điều 4, Điều 306 Luật kinh doanh thương mại năm 2005; Điều 290, 309, 408 Bộ luật dân sự 2005; Điều 76 Luật xây dựng năm 2003; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần D.

- Buộc Công ty cổ phần Xi măng F trả cho cho Công ty cổ phần D số tiền 289.646.652 đồng và tiền lãi tính đến ngày 20-9-2017 là 163.903.798 đồng.

Tổng cộng: 453.550.450 (*bốn trăm năm mươi ba triệu năm trăm năm mươi nghìn bốm trăm năm mươi*) đồng.

- Bác yêu cầu của Công ty cổ phần D đòi Công ty cổ phần Xi măng F trả số tiền 1.044.055.076 (*một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi sáu*) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 03/2017/QĐ-SCBSBA ngày 24-10-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh đính chính phần Quyết định của bản án sơ thẩm số 09/2017/KDTM-ST ngày 20 tháng 9 năm 2017 như sau: *"...*Bác yêu cầu của Công ty cổ phần D đòi Công ty cổ phần Xi măng F trả số tiền 1.044.005.076 (*một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu không trăm lẻ năm nghìn không trăm bảy mươi sáu*) đồng*..."*.

Ngày 26-9-2017, Công ty cổ phần D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty cổ phần Xi măng F thanh toán số tiền nợ gốc là 1.333.651.728 đồng và tiền lãi theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường kể từ ngày 01-11-2011 đến nay cho Công ty cổ phần D với lý do bản án sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần T là bà Nguyễn Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ theo khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Hoàng K.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ kiện về tranh chấp kinh doanh

thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện, thành phố thuộc tỉnh, Công ty cổ phần Xi măng F có trụ sở tại số 433 Đại lộ 30/4, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu: Công ty cổ phần Xi măng F vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày Công ty cổ phần Xi măng F có Công văn đối chiếu công nợ là ngày 19-8-2013 đến ngày Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là ngày 13-3-2015 và chuyển đơn cho Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về nội dung: Xét thấy ngày 30-7-2008 giữa Công ty cổ phần Xi măng F và Công ty cổ phần T ký hợp đồng số 175/2008/HĐTC-TAFICO về việc giao nhận thầu thi công xây dựng 15 nhà Block 2 căn theo công nghệ 3D thuộc công trình khu nhà ở cho cán bộ công nhân viên và chuyên gia 12ha - dự án nhà máy xi măng Tây Ninh. Theo thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng thì thời hạn hoàn thành là 75 ngày (bao gồm cả thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ và ngày tết), thời gian thực hiện từ ngày 15-8-2008 đến ngày 28-11-2008. Hợp đồng đã được thực hiện, nhưng sau đó Công ty cổ phần T gặp khó khăn về mặt nhân lực, kỹ thuật không đảm bảo tiến độ thi công nên đã ký hợp đồng liên danh số 46/HĐLD.DIC-TKM với Công ty cổ phần D. Vì vậy, vào ngày 13-3-2009 Công ty cổ phần Xi măng F cùng với Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần D ký phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ bổ sung Hợp đồng số 175/2008/HĐTC-TAFICO giao cho Công ty cổ phần D tiếp tục thi công Công trình 15 nhà Block 2 căn và thay đổi điều khoản về tài khoản giao dịch, bên Công ty cổ phần Xi măng F cam kết thanh toán trực tiếp giá trị khối lượng được nghiệm thu, gia hạn thời gian thi công, thưởng phạt, quyết toán, thanh lý hợp đồng trực tiếp cho Công ty cổ phần D.

Trong quá trình thực hiện, giữa Công ty cổ phần Xi măng F, Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần D tiếp tục ký các phụ lục hợp đồng số 02, 03, 04, 05, 06 về gia hạn thực hiện hợp đồng và điều chỉnh đơn vị xuất hóa đơn thuế giá trị gia tăng; điều chỉnh thiết kế tường thu hồi 3D panel bằng kèo thép, điều chỉnh giảm giá trị hợp đồng là 189.947.793 đồng.

Ngày 21-7-2010, giữa Công ty cổ phần Xi măng F với Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần D đã lập biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình để đưa vào sử dụng. Qua kết quả kiểm tra chất lượng công việc xây dựng đạt và đã kết luận chấp nhận nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng. Như vậy, trách nhiệm thực hiện Hợp đồng được chuyển từ Công ty cổ phần T sang cho Công ty cổ phần D. Hợp đồng đã hoàn thành, chất lượng " không đạt" không có.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần D thì thấy rằng:

Căn cứ vào Hợp đồng số 175/2008/HĐTC-TAFICO ngày 30-7-2008 giữa Công ty cổ phần Xi măng F và Công ty cổ phần T về giá trị hợp đồng ban đầu là 7.784.838.660 đồng. Trong quá trình thực hiện đã điều chỉnh giảm giá trị hợp đồng lần thứ nhất là 189.947.793 đồng nên giá trị quyết toán hợp đồng còn lại là 7.594.890.870 đồng. Sau đó, điều chỉnh giảm giá trị quyết toán lần 2 là 55.747.530 đồng nên giá trị hợp đồng còn lại là 7.539.143.340 đồng. Căn cứ vào các bản đối chiếu công nợ của Công ty cổ phần D và Công ty cổ phần Xi măng F (bút lục 60, 71, 72, 241) thì đến ngày 31-12-2013 Công ty cổ phần Xi măng F còn nợ Công ty cổ phần D số tiền 3.014.340.183 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, Công ty cổ phần D chấp nhận đối trừ phần gia cố móng và giá trị tấm 3D do Công ty cổ phần T thực hiện có giá trị là 1.680.688.455 đồng nên Công ty cổ phần D thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty xi măng F trả cho Công ty cổ phần D số tiền còn lại là 1.333.651.728 đồng (trong đó số tiền nợ chưa thanh toán là 289.646.652 đồng, số tiền Công ty cổ phần Xi măng F khấu trừ tiền Công ty cổ phần T tạm ứng là 1.044.005.076 đồng) và tính tiền lãi theo lãi suất quá hạn kể từ ngày 11-7-2013 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20-9-2017.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào mục 2.2 Điều 3 của Hợp đồng liên doanh số 46/HĐLD DIC-TKM năm 2008 giữa Công ty cổ phần D và Công ty cổ phần T đã thống nhất phân chia công việc cụ thể như sau:

- Công ty cổ phần D trực tiếp tổ chức bộ máy nhân sự thi công công trình, đại diện cho liên doanh trong việc liên hệ trực tiếp với chủ đầu tư làm các thủ tục hồ sơ liên quan. Trong quá trình thi công công trình làm các thủ tục hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán công trình, nhận tiền thi công từ chủ đầu tư, bảo hành công trình.

- Công ty cổ phần T: Cung cấp toàn bộ tấm 3D để thi công công trình. Chỉ đạo giám sát kỹ thuật, chuyển giao công nghệ thi công tấm 3D tại công trình cho Công ty cổ phần D.

Do đó, theo hợp đồng liên doanh này thì Công ty cổ phần D là Công ty được trực tiếp làm thủ tục hoàn công, trực tiếp thanh quyết toán công tình, trực tiếp nhận tiền từ chủ đầu tư là Công ty cổ phần Xi măng F nên Công ty cổ phần Xi măng F có trách nhiệm thực hiện việc thanh quyết toán công trình và thanh toán các khoản tiền thi công công trình theo hợp đồng số 175 trực tiếp cho Công ty cổ phần D. Điều này cũng đã được thể hiện tại Điều 1 và Điều 2 của Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ về việc bổ sung Hợp đồng số 175/2008/HĐTC-TAFICO

ngày 13-3-2009 ký kết giữa Công ty cổ phần Xi măng F, Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần D (bút lục 22, 23, 24).

Ngoài ra, khi Công ty cổ phần Xi măng F ký các phụ lục hợp đồng số 01, 02, 03, 04, 05 và 06 (bút lục từ 22 đến 34) với Công ty cổ phần T và Công ty cổ phần D cũng không thể hiện việc chuyển giao thu hồi tiền tạm ứng bằng cách khấu trừ theo tỷ lệ 35% giá trị khối lượng hoàn thành công trình của từng đợt thanh toán theo tiểu mục 5.2 Điều 5 của Hợp đồng số 175 cho Công ty cổ phần T nên việc Công ty cổ phần Xi măng F cho rằng đã tạm ứng cho Công ty cổ phần T số tiền 2.724.693.531 đồng (trong đó có số tiền 1.044.005.076 đồng) và đề nghị Công ty cổ phần D khấu trừ vào số tiền mà Công ty cổ phần Xi măng F còn nợ Công ty cổ phần D là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, trong hợp đồng liên doanh số 46/HĐLD DIC-TKM năm 2008 không có điều khoản nào quy định Công ty cổ phần T được nhận tiền tạm ứng trước từ Công ty cổ phần Xi măng F mà chỉ thực hiện việc cung cấp toàn bộ tấm 3D để thi công công trình và giám sát kỹ thuật chuyển giao công nghệ thi công tấm 3D tại công trình cho Công ty cổ phần D nên tại phiên tòa Công ty cổ phần D đồng ý khấu trừ phần móng và giá trị tấm 3D cho Công ty cổ phần T với số tiền 1.680.688.455 đồng là phù hợp, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty cổ phần Xi măng F thanh toán cho Công ty cổ phần D số tiền nợ gốc còn thiếu là 289.646.652 đồng và 163.903.798 đồng tiền lãi là phù hợp.

Tuy nhiên, đối với số tiền mà Công ty cổ phần Xi măng F đã tạm ứng cho Công ty cổ phần T là 2.724.693.531 đồng (tại phiếu chi ngày 25-8-2008 bút lục số 24), Tòa án cấp sơ thẩm khấu trừ toàn bộ cho Công ty cổ phần D là chưa phù hợp. Bởi lẽ căn cứ vào hồ sơ quyết toán công trình thì Công ty cổ phần T chỉ được khấu trừ số tiền phần móng và giá trị tấm 3D do Công ty cổ phần T thực hiện trị giá 1.680.688.455 đồng theo yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần D là phù hợp. Số tiền còn lại là 1.044.005.076 đồng Công ty cổ phần T trực tiếp nhận từ Công ty cổ phần Xi măng F thì Công ty cổ phần T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Xi măng F, Công ty cổ phần D không có nghĩa vụ khấu trừ số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần D, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Công ty cổ phần Xi măng F có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần D số tiền 289.646.652 đồng và tiền lãi của số tiền này là 163.903.798 đồng và hoàn trả số tiền 1.044.005.076 đồng tiền Công ty cổ phần Xi măng F đã tạm ứng cho Công ty cổ phần T (sau khi cấn trừ phần móng và giá trị tấm 3D do Công ty cổ phần T thực hiện là 1.680.688.455 đồng). Nên cần buộc Công ty cổ phần Xi măng F có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần D số tiền tổng cộng là 1.497.555.526 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.333.651.728 đồng (gồm số tiền 289.646.652 đồng và

1.044.005.076 đồng) và tiền lãi là 163.903.798 đồng. Không chấp nhận yêu cầu tính số tiền lãi đối với số tiền 1.044.005.076 đồng của Công ty cổ phần D.

Riêng đối với số tiền Công ty cổ phần T đã nhận tạm ứng từ Công ty cổ phần Xi măng F sau khi đối trừ phần móng do Công ty cổ phần T thực hiện và phần giá trị tấm 3D tổng cộng là 1.680.688.455 đồng, còn lại số tiền tạm ứng là 1.044.005.076 đồng cần buộc Công ty cổ phần T hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Xi măng F là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên cần sửa lại án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm như sau:

Công ty xi măng F phải trả cho Công ty cổ phần D số tiền 1.497.555.526 đồng nên phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 36.000.000 đồng + (1.497.555.526 – 800.000.000) x 3% = 56.927.000 đồng.

Công ty cổ phần T phải trả cho Công ty cổ phần Xi măng F số tiền 1.044.005.076 đồng nên phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 36.000.000 đồng + (1.044.005.076 – 800.000.000) x 3% = 43.320.000 đồng.

Công ty cổ phần D không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của Công ty cổ phần D được chấp nhận nên Công ty cổ phần D không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 290, 309, 408 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 112 Luật Xây dựng năm 2014; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27-02-2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần D.

Sửa bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần D.

Buộc Công ty cổ phần Xi măng F có trách nhiệm trả cho Công ty cổ phần D số tiền tổng cộng là 1.497.555.526 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi bảy triệu

năm trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.333.651.728 đồng và tiền lãi là 163.903.798 đồng.

Buộc Công ty cổ phần T có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty cổ phần Xi măng F số tiền tạm ứng là 1.044.005.076 đồng (Một tỷ không trăm bốn mươi bốn triệu không trăm lẻ năm nghìn không trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần xi măng F phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.927.000 đồng.

Công ty cổ phần T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 43.320.000 đồng.

Công ty cổ phần D không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả lại cho Công ty cổ phần D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 53.365.207 đồng theo biên lai thu số 0005081 ngày 12-8-2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty cổ phần D không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hoàn trả lại cho Công ty cổ phần D số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004600 ngày 12-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS thành phố Tây Ninh;
- CCTHADS Quận 1, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Ánh Nguyệt